

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày 21 - 4 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Tâm và ông Đỗ Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tạ Văn Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn G3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Kim N, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn G3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

3. Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

3.1. Bà Đào Thị L, sinh năm 1969 và chị Tạ Thị P, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: thôn G3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn G3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Tạ Văn Đ trình bày: Ông và gia đình anh N, chị P là hàng xóm, vào khoảng năm 2021 chị P và bà Đào Thị L (mẹ chồng chị P) sang hỏi vay tiền, ông đồng ý cho mẹ con chị P vay 500.000.000đồng, hai bên viết giấy vay nợ chị P và bà L trực tiếp ký giấy nhận nợ. Khi vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói việc vay nóng tức vay thời hạn ngắn, lãi suất 1.000đồng/01 triệu/01 ngày. Chị P trực tiếp trả lãi, lần trả lãi đầu chị P trả được 15.000.000đồng, lần trả lãi thứ hai chị P trả được 10.000.000đồng, lần thứ ba trả được 5.000.000đồng, khi trả lãi hai bên không viết giấy tờ gì (số tiền trả lãi trong khoảng 06 tháng, từ khoảng tháng 5/2021 đến tháng 12/2021), mặc dù hai bên thỏa thuận mức lãi suất cao hơn lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định song anh N, chị P không trả nợ đúng hạn nên chia ra mức lãi suất anh N, chị P trả ông chỉ khoảng

1%/tháng. Do không trả được nợ theo thỏa thuận nên ngày 29/4/2022 chị P, anh N mời ông sang nhà và trả ông 100.000.000đ tiền gốc, đồng thời chị P, anh N viết lại giấy nhận nợ mới thể hiện còn nợ ông số tiền gốc 400.000.000đồng đưa ông giữ, anh N đã thu lại giấy nhận nợ cũ. Kể từ sau ngày chốt nợ lần hai anh N, chị P không trả được đồng tiền lãi nào, ông thường xuyên yêu cầu nhưng anh N, chị P không trả nợ.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh N, chị P phải trả ông số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi ông yêu cầu tính từ ngày 29/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 1%/tháng.

Bị đơn anh Nguyễn Kim N trình bày: Anh thừa nhận ông Đ trình bày nội dung khởi kiện là đúng. Đối với bà Đào Thị L là mẹ anh đi cùng chị P để vay tiền của ông Đ cho vợ chồng anh để lấy vốn làm ăn nên anh đề nghị không đưa bà L tham gia tố tụng với bất cứ tư cách gì trong vụ án. Vợ chồng anh sẽ có N vụ trả toàn bộ khoản nợ gốc cho ông Đ. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị ông Đ miễn toàn bộ số tiền lãi để vợ chồng anh có điều kiện trả dần số nợ gốc. Anh không đưa ra được lộ trình trả số tiền gốc vì hiện nay thu nhập của vợ chồng anh chỉ đủ chi tiêu không có khả năng trả nợ. Kể từ sau khi chốt nợ lần 2 với ông Đ, vợ chồng anh chưa trả ông Đ khoản tiền nợ gốc và lãi nào.

Tại phiên tòa, anh N xác định mỗi tháng kể từ tháng 01/2026 vợ chồng anh sẽ trả ông Đ 5.000.000đ tiền gốc cho đến khi trả nợ xong. Anh đề nghị ông Đ miễn toàn bộ khoản tiền lãi cho vợ chồng anh. Đối với những lần vợ chồng anh đã trả lãi trước ngày 29/4/2022, anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan chị Tạ Thị P trình bày: Chị là vợ anh N, chị nhất trí quan điểm của anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết để ông Đ miễn toàn bộ lãi suất cho vợ chồng chị.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Đào Thị L trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần, bà không đến Tòa án làm việc cũng không trình bày quan điểm về việc vay nợ giữa bà, vợ chồng anh N với ông Tạ Văn Đ.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr trình bày: Bà là vợ ông Đ. Bà nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Đ, việc cho bà L, anh N, chị P vay tiền do ông Đ thực hiện. Khi cho anh N, chị P vay tiền, ông Đ có nói cho bà biết. Nay bà yêu cầu anh N, chị P trả toàn bộ số tiền nợ 400.000.000 đồng gốc và lãi suất 1%/tháng từ ngày 29/4/2022 đến ngày xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, N vụ liên quan là bà Đào Thị L không thực hiện quyền và N vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự khác đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Nguyễn Kim N và chị Tạ Thị P phải trả vợ chồng ông Tạ Văn Đ bà Nguyễn Thị Tr số tiền nợ gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 29/4/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Anh N, chị P phải nộp án phí dân sự sơ

thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ông Tạ Văn Đ tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Tạ Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Kim N và chị Tạ Thị P trả 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng; anh N, chị P đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng chị Tạ Thị P, bà Đào Thị L vắng mặt không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng chị P và bà L tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày 11/4/2025, anh N xác định trong năm 2021, vợ chồng anh nhiều lần trả tiền lãi cho ông Đ vượt quá lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để anh có thời gian thu thập tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa nhưng tại biên bản làm việc ngày 14/4/2025 và tại phiên tòa hôm nay anh N xác định anh và gia đình không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc đã trả lãi vượt quá lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Do vậy, đối với những lần vợ chồng anh đã trả lãi trước ngày 29/4/2022, anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Vào khoảng cuối năm 2021 bà Đào Thị L và chị Tạ Thị P vay ông Tạ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Tr số tiền 500.000.000đồng. Khi vay tiền hai bên viết giấy vay nợ, thỏa thuận vay trong thời gian ngắn (tức vay nóng). Tuy nhiên không có tiền trả nên vợ chồng anh N xin trả lãi trước, trong thời gian khoảng 4 tháng chị P trả ông Đ được 30.000.000đồng tiền lãi, khi trả lãi hai bên không viết giấy tờ. Ngày 29/4/2022 anh N, chị P trả ông Đ 100.000.000đồng tiền gốc, hai bên thông nhất hủy giấy vay tiền cũ và viết lại giấy nhận nợ mới với nội dung anh Nguyễn Kim N và chị Tạ Thị P vay ông Tạ Văn Đ 400.000.000đồng, thời gian vay là 02 năm kể từ ngày 29/4/2022, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói 1%/tháng. Do quá thời hạn trả nợ mà anh N, chị P không trả số tiền nợ gốc, lãi nên ông Tạ Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N, chị P phải trả ông 400.000.000đồng và tiền lãi tính với mức 1%/tháng từ ngày 29/4/2022 cho đến ngày xét xử.

Việc ông Tạ Văn Đ không khởi kiện bà Đào Thị L có N vụ trả nợ là có căn cứ. Vì anh Nguyễn Kim N đồng thời là người vay và sử dụng tiền vay (anh N là con trai bà L), việc anh N, chị P viết lại giấy nhận nợ với ông Tạ Văn Đ là hoàn tự nguyện không trái pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định, giữa ông Tạ Văn Đ và anh Nguyễn Kim N, chị Tạ Thị P xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn nên phát sinh quyền và N vụ.

Tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ Tr hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”

Việc anh N, chị P thừa nhận đến nay còn nợ ông Đ số tiền gốc 400.000.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn chưa trả được nợ theo thỏa thuận là đã vi phạm N vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Đối với số tiền lãi, quá trình thực hiện N vụ trả nợ đến nay, anh N, chị P không trả được đồng tiền lãi nào. Do vậy ông Đ yêu cầu anh N, chị P phải có N vụ trả tiền lãi trên số nợ gốc 400.000.000đồng theo mức lãi suất 1%/tháng là có căn cứ cần chấp nhận.

Tiền lãi tính từ ngày 29/4/2022 đến ngày 21/4/2025 là 35 tháng 23 ngày với lãi suất 1%/ tháng, cụ thể như sau: 35 tháng x 400.000.000đồng x 1% + 23 ngày x 1%/30ngày x 400.000.000đ = 143.066.667đồng (làm tròn 143.066.000đồng).

Như vậy, tổng số tiền vợ chồng anh N, chị P phải trả vợ chồng ông Đ, bà Tr: 400.000.000đ gốc + 143.066.000đ lãi = 543.066.000đồng. Anh N, chị P còn phải tiếp tục trả lãi suất 1%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả kể từ ngày 22/4/2025 cho đến khi thanh toán xong.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Tạ Văn Đ không phải nộp tiền án phí. Trả lại ông Tạ Văn Đ tiền tạm ứng án phí. Anh Nguyễn Kim N, chị Tạ Thị P phải nộp án dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Văn Đ.

Buộc anh Nguyễn Kim N, chị Tạ Thị P phải có N vụ trả vợ chồng ông Tạ Văn Đ 400.000.000đ tiền gốc và 143.066.000đ tiền lãi. Tổng cộng 543.066.000đ (năm trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Anh N, chị P còn phải tiếp tục trả lãi suất 1%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả kể từ ngày 22/4/2025 cho đến khi thanh toán xong.

2. Anh Nguyễn Kim N, chị Tạ Thị P phải nộp 25.722.000đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng - đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Tạ Văn Đ số tiền tạm ứng án phí 13.840.000đ (mười ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0003461 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu